

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1705/QĐ-BTM ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - một bộ phận thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020300035, đăng ký lần đầu ngày 25/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 26/02/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/04/2002, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 09/6/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/11/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15/01/2008.

Công ty đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu PTS.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Thủy	Thành viên
Ông Đào Thanh Liêm	Thành viên
Ông Mai Thế Cung	Thành viên
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Thủy	Phó Giám đốc

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Kiểm toán viên

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Created with

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Hùng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2010

Số:

/2010/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009
của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông**
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định liên quan khác tại Việt Nam.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited
Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2010

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		68.918.760.087	58.522.639.085
I- Tiền	110		3.231.086.020	1.222.794.217
1. Tiền	111	5.1	3.231.086.020	1.222.794.217
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	776.538.623	2.069.656.627
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.853.563.423	5.628.867.827
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.077.024.800)	(3.559.211.200)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.608.795.199	15.384.404.887
1. Phải thu khách hàng	131		8.981.180.255	4.362.545.001
2. Trả trước cho người bán	132		7.073.022.648	5.763.413.216
3. Các khoản phải thu khác	135	5.3	4.597.293.296	5.301.147.670
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(42.701.000)	(42.701.000)
IV- Hàng tồn kho	140		42.750.762.669	39.183.039.124
1. Hàng tồn kho	141	5.4	42.750.762.669	39.183.039.124
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.551.577.576	662.744.230
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.280.813.048	419.500.720
2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	5.5	17.764.528	23.243.510
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	253.000.000	220.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		64.767.919.514	46.698.245.028
I Các khoản phải thu dài hạn	210		42.701.000	42.701.000
1. Phải thu dài hạn khác	218	5.7	42.701.000	42.701.000
II Tài sản cố định	220		51.971.326.619	38.861.394.073
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	49.003.056.399	30.921.221.797
- Nguyên giá	222		67.839.513.486	45.210.191.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.836.457.087)	(14.288.969.810)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	2.968.270.220	7.940.172.276
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.603.425.600	4.153.620.218
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	4.303.425.600	4.153.620.218
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	300.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		8.150.466.295	3.640.529.737
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	7.810.833.185	3.297.788.645
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.13	332.133.110	335.241.092
3. Tài sản dài hạn khác	268		7.500.000	7.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		133.686.679.601	105.220.884.113

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mẫu B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		66.335.894.022	39.285.690.338
I- Nợ ngắn hạn	310		60.829.864.888	38.652.564.273
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	1.304.450.000	5.020.000.000
2. Phải trả người bán	312		10.365.567.602	6.394.148.024
3. Người mua trả tiền trước	313		36.681.059.230	17.960.479.865
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	1.227.545.888	96.941.685
5. Phải trả người lao động	315		7.009.847.363	7.908.446.482
6. Chi phí phải trả	316		1.309.630.123	243.333
7. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.16	2.931.764.682	1.272.304.884
II- Nợ dài hạn	330		5.506.029.134	633.126.065
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	5.084.497.469	210.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		421.531.665	423.126.065
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		67.350.785.579	65.935.193.775
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	65.952.309.190	65.164.132.497
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		34.800.000.000	34.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.024.502.460	6.024.502.460
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.543.193.625	7.008.319.155
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.939.314.386	1.335.675.683
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.645.298.719	15.995.635.199
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.398.476.389	771.061.278
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		1.398.476.389	771.061.278
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		133.686.679.601	105.220.884.113

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	TM	31/12/2009	01/01/2009
		VND	VND
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		29.820.000	21.680.000

Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2010

Phạm Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Created with


nitroPDF professional
download the free trial online at nitropdf.com/professional

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		243.335.278.150	199.014.943.837
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	243.335.278.150	199.014.943.837
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	218.304.129.318	172.665.661.789
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		25.031.148.832	26.349.282.048
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	481.700.534	393.279.267
7. Chi phí tài chính	22	5.22	654.641.000	4.472.374.102
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		797.419.791	826.288.556
8. Chi phí bán hàng	24		2.863.123.917	1.786.876.034
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.409.920.685	8.113.760.570
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		11.585.163.764	12.369.550.609
11. Thu nhập khác	31		1.348.602.397	115.642.143
12. Chi phí khác	32		271.770.741	106.381.517
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	1.076.831.656	9.260.626
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		468.110.382	469.831.716
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		13.130.105.802	12.848.642.951
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	854.255.231	1.215.037.346
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(37.060.557)	(335.241.092)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		12.312.911.128	11.968.846.697
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	3.538	3.439

Nguyễn Văn Hùng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2010

Phạm Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng

Created with

 **nitroPDF** professional

download the free trial online at nitropdf.com/professional

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.130.105.802	12.848.642.951
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.845.429.831	3.632.700.925
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(957.112.099)	3.317.165.589
- Chi phí lãi vay	06		797.419.791	826.288.556
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.815.843.325	20.624.798.021
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.866.185.249)	(3.448.008.818)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.895.765.677)	(5.701.329.748)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15.030.269.402	(8.527.397.511)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.048.686.034)	(3.058.357.058)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(797.419.791)	(826.288.556)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(45.313.809)	(3.194.596.710)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		100.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(267.494.785)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.025.247.382	(4.131.180.380)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.347.938.197)	(14.814.927.484)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.455.269.064	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(13.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		1.293.118.004	13.500.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(200.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		146.348.336	300.019.568
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.653.202.793)	(14.514.907.916)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	22.620.000.000
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		58.261.797.469	4.500.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(57.102.850.000)	(5.760.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.522.700.255)	(4.280.715.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.363.752.786)	17.079.285.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.008.291.803	(1.566.803.296)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.222.794.217	2.789.597.513
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	3.231.086.020	1.222.794.217

Nguyễn Văn Hùng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2010

Phạm Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Created with

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1705/QĐ-BTM ngày 07/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - một bộ phận thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020300035, đăng ký lần đầu ngày 25/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 26/02/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/04/2002, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 09/06/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/11/200, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15/01/2008.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000035, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 15/01/2008, Vốn điều lệ của Công ty là 34.800.000.000 đồng (tương ứng với 3.480.000 cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng). Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm:

Tên Cổ đông**Địa chỉ trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú**

Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam

Số 1 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội

Ông Nguyễn Trọng Thủy

Số 1E/407 Lê Lai, Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Ông Đào Thanh Liêm

Số 44/384 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Ông Nguyễn Văn Hùng

Số 18, Hồ Sen, Dư Hàng, quận Lê Chân, Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Công ty đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Kinh doanh vận tải, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Sửa chữa và đóng mới phương tiện vận tải thủy, sản xuất sản phẩm cơ khí;
- Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, thiết bị, hàng hóa khác;
- Dịch vụ hàng hải và các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh, đại lý khí hóa lỏng (gas);
- Nạo vét luồng lạch, san lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà, kinh doanh vật liệu xây dựng, môi giới, dịch vụ nhà đất;
- Vận tải hành khách đường thủy và đường bộ;
- Kinh doanh cảng biển;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Kinh doanh kho bãi;
- Kinh doanh nhà, đất.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là kinh doanh xăng dầu; đóng mới, sửa chữa tàu và dịch vụ vận tải.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các sửa đổi bổ sung Quyết Định 15.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, dự phòng khoản phải thu khó đòi được lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2009
	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 14
Dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản thể hiện chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 5 năm đối với sửa chữa định kỳ và 2,5 năm đối với sửa chữa giữa kỳ.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ, dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa là 02 năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính, Công ty tiếp tục được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đến năm 2010 đối với hoạt động đóng tàu, vận tải; và Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại của các dự án đầu tư mở rộng mang lại theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC.

Theo Giấy chứng nhận giao dịch cổ phiếu số 31/TTGDCKHN-ĐKGD ngày 20/11/2006 và Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08/09/2006 của Bộ Tài chính về việc ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp tham gia thị trường chứng khoán từ ngày 01/01/2007, Công ty được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong vòng 02 năm kể từ khi niêm yết trên thị trường chứng khoán. Công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán trước ngày 01/01/2007 và đã đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng ưu đãi thuế này trong năm 2008 và 2009.

Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2009 theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 về việc Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	864.654.159	304.311.581
Tiền gửi ngân hàng	2.366.431.861	918.482.636
Tổng	3.231.086.020	1.222.794.217

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	1.853.563.423	5.628.867.827
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.077.024.800)	(3.559.211.200)
Tổng	776.538.623	2.069.656.627

Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đạm Phú Mỹ	-	926.851.250
Công ty Cổ phần Vận tải VIPCO	-	543.688.754
Công ty Cổ phần Vận tải VITACO	757.778.935	2.771.363.352
Công ty Cổ phần Vận tải Thuê tàu	1.095.784.488	1.386.964.470
Tổng	1.853.563.423	5.628.867.827

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	94.677.591	87.044.747
Công ty Cổ phần Chứng khoán	75.260.000	23.136.512
Công ty Bảo hiểm PJICO - CN Hải Phòng	238.502.640	-
Phải thu của các cửa hàng xăng dầu	196.188.725	283.311.516
Phải thu của các tàu vận tải thủy	2.630.656.062	1.250.702.049
Phải thu của các tàu vận tải biển	1.166.238.677	1.081.281.489
Thuế thu nhập cá nhân	132.205.278	-
Tạm ứng cổ tức	-	2.508.808.590
Phải thu khác	63.564.323	66.862.767
Tổng	4.597.293.296	5.301.147.670

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.118.903.292	9.144.915.107
Công cụ, dụng cụ	37.933.223	49.281.510
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.533.601.899	28.647.431.948
Hàng hoá	2.060.324.255	1.341.410.559
Giá trị thuần của hàng tồn kho	42.750.762.669	39.183.039.124

5.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	23.243.510
Thuế thu nhập cá nhân	17.764.528	-
Tổng	17.764.528	23.243.510

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	250.000.000	217.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Tổng	253.000.000	220.000.000

5.7 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác	42.701.000	42.701.000
Tổng	42.701.000	42.701.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư tại 01/01/2009	4.668.121.265	3.120.116.570	37.202.502.308	176.949.506	42.501.958	45.210.191.607
Tăng trong năm	6.827.821.745	199.230.000	15.644.280.839	601.225.115	172.247.701	23.444.805.400
Mua trong năm	-	96.363.636	637.747.714	601.225.115	172.247.701	1.507.584.166
XDCB hoàn thành	6.827.821.745	102.866.364	15.006.533.125	-	-	21.937.221.234
Giảm trong năm	-	-	815.483.521	-	-	815.483.521
Thanh lý tài sản	-	-	815.483.521	-	-	815.483.521
Số dư tại 31/12/2009	11.495.943.010	3.319.346.570	52.031.299.626	778.174.621	214.749.659	67.839.513.486
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại 01/01/2009	1.439.320.808	1.908.166.270	10.787.045.984	141.686.160	12.750.588	14.288.969.810
Tăng trong năm	293.336.050	333.554.169	4.164.998.776	41.301.616	12.239.220	4.845.429.831
Khấu hao trong năm	293.336.050	333.554.169	4.164.998.776	41.301.616	12.239.220	4.845.429.831
Giảm trong năm	-	-	297.942.554	-	-	297.942.554
Thanh lý tài sản	-	-	297.942.554	-	-	297.942.554
Số dư tại 31/12/2009	1.732.656.858	2.241.720.439	14.654.102.206	182.987.776	24.989.808	18.836.457.087
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2009	3.228.800.457	1.211.950.300	26.415.456.324	35.263.346	29.751.370	30.921.221.797
Tại 31/12/2009	9.763.286.152	1.077.626.131	37.377.197.420	595.186.845	189.759.851	49.003.056.399

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

10.512.760.822

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

1.554.774.866

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	7.940.172.276	1.136.991.485
Tăng trong năm	23.971.321.471	18.414.619.541
Giảm trong năm	28.943.223.527	11.611.438.750
<i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	<i>21.937.221.234</i>	<i>6.941.138.765</i>
<i>Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>4.348.528.610</i>	<i>-</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>2.657.473.683</i>	<i>4.670.299.985</i>
Tại ngày 31 tháng 12	2.968.270.220	7.940.172.276

Chi tiết theo nội dung:

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đóng mới tàu PTS 25	-	6.114.517.315
Chi phí đóng mới xà lan, tàu	54.545.454	54.545.454
Chi phí xây dựng triền đà	6.372.967	6.372.967
Chi phí mở rộng sản xuất Công ty	965.991.571	729.266.423
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	1.561.798.555	791.897.022
Chi phí xây dựng cơ bản khu đất Phú Vân	-	243.573.095
Bơm khu vực I	101.902.000	-
Đóng tàu vận tải thủy	277.659.673	-
Tổng	2.968.270.220	7.940.172.276

5.10 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty liên kết (*)	4.303.425.600	4.153.620.218
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng	4.303.425.600	4.153.620.218
Tổng	4.303.425.600	4.153.620.218

(*) Chi tiết khoản góp vốn vào Công ty liên kết:

Công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần sở hữu %	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng	Kinh doanh dịch vụ cảng biển; dịch vụ vận tải; vận tải hàng hóa thủy, bộ; môi giới và đại lý hàng hải, đại lý xăng dầu, vật tư, thiết bị, cung ứng dịch vụ cho tàu, sửa chữa, gia công cơ khí, xây dựng	12,90%	4.303.425.600	4.153.620.218

Mặc dù tỷ lệ sở hữu là 12,9% nhưng do có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng nên Công ty này được xác định là Công ty liên kết của Công ty.

Created with

**nitroPDF** professionaldownload the free trial online at nitropdf.com/professional

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5. 11 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông HP (*)	300.000.000	-
Tổng	300.000.000	-

(*) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2008-HTĐT ngày 16/10/2008 giữa Trường Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải, Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng và Công ty Cổ phần Petrolimex Hải Phòng về việc hợp tác liên doanh thực hiện Dự án đầu tư “Xây dựng cơ sở II Trường Trung cấp Nghề Giao thông vận tải Hải Phòng” tại phường Nam Sơn, quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng.

Mục tiêu đầu tư: đền bù, giải phóng mặt bằng; Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và lắp đặt thiết bị, máy móc, các phương tiện kỹ thuật cần thiết khác tạo thành một cơ sở.

Tổng mức đầu tư của dự án là 86.333.900.000 đồng, chia làm 2 giai đoạn góp vốn. Giai đoạn 1 huy động 12.000.000.000 đồng để thành lập một Công ty cổ phần quản lý đầu tư và tiến hành kinh doanh, khai thác các hạng mục công trình và các hoạt động kinh doanh khác. Công ty nộp tiền góp vốn liên doanh theo thông báo của Bên tham gia hợp tác đầu tư. Tỷ lệ vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư là 25%, số tiền góp vốn đã góp tính đến thời điểm 31/12/2009 là 300.000.000 đồng.

5. 12 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	3.301.342.814	239.431.587
Tăng trong năm	6.886.561.888	4.654.822.176
Giảm trong năm	2.377.071.517	1.596.465.118
<i>Trong đó: Phân bổ vào chi phí</i>	<i>1.713.135.846</i>	<i>1.153.626.806</i>
Tại ngày 31 tháng 12	7.810.833.185	3.297.788.645

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	659.610.080	640.152.142
Chi phí sửa chữa lớn	7.085.461.564	2.657.636.503
Chi phí khác	65.761.541	-
Tổng	7.810.833.185	3.297.788.645

5. 13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản chi phí phải trả của dự án Đông Hải	255.985.573	255.985.573
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ việc phát sinh lãi của các giao dịch nội bộ	76.147.537	79.255.519
Tổng	332.133.110	335.241.092

Created with

**nitroPDF** professionaldownload the free trial online at nitropdf.com/professional

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.14 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng	-	4.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.304.450.000	520.000.000
Ngân hàng Công thương VN - Hải Phòng	-	520.000.000
Hội sở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	604.450.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	700.000.000	-
Tổng	1.304.450.000	5.020.000.000

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	396.159.674	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	829.418.180	20.476.757
Thuế thu nhập cá nhân	1.968.034	76.464.928
Tổng	1.227.545.888	96.941.685

5.16 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	883.921.729	582.493.722
Bảo hiểm y tế	18.145.153	20.402.585
Bảo hiểm thất nghiệp	631.028	-
Phải trả, phải nộp khác	2.029.066.772	669.408.577
Công ty TNHH Anh Cao	-	500.000.000
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	1.805.600.000	30.800.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	36.716.410	-
Tiền thưởng của TCT	72.800.000	-
Phải trả, phải nộp khác	113.950.362	138.608.577
Tổng	2.931.764.682	1.272.304.884

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN/HN

5.17 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	6.388.947.469	730.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	730.000.000
Chi nhánh Hải Phòng		
Hội sở Ngân hàng Thương mại Cổ phần		
Xăng dầu Petrolimex	2.888.947.469	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam		
Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	3.500.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.304.450.000	520.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	520.000.000
Chi nhánh Hải Phòng		
Hội sở Ngân hàng Thương mại Cổ phần		
Xăng dầu Petrolimex	604.450.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam		
Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	700.000.000	-
Tổng	5.084.497.469	210.000.000

- Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 20/HĐTD/TH-PN/PGB/HO ngày 09/06/2009 của Hội sở Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex, theo đó:

Số tiền vay : 3.000.000.000 đồng;
Mục đích vay : Thanh toán chi phí xây dựng Văn phòng làm việc tại 61 Ngô Quyền
Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
Thời hạn rút vốn : 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
Lãi suất : quy định cụ thể từng thời kỳ (lãi suất áp dụng từ ngày giải ngân đầu tiên đến 29/12/2009 là 10,5%/năm);
Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai là Văn phòng làm việc 61 Ngô Quyền với giá trị tối thiểu 4.667.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 74/HĐTD.VBHP.09 ngày 01/10/2009 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng, theo đó:

Số tiền vay : 3.500.000.000 đồng;
Mục đích vay : Đầu tư đóng mới tàu PTS 26;
Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
Thời gian trả nợ gốc : 06 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu;
Lãi suất : được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;
Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay là 01 tàu chở dầu PTS-26 sản xuất năm 2009 với giá trị 3.770.000.000 đồng.

Phụ lục hợp đồng số 01-74/PLHĐ.HĐTD.VBHP.09 ngày 01/10/2009 quy định: bên vay cam kết chuyển giao dịch qua tài khoản về Vietcombank với tổng số dư cam kết giao dịch tối thiểu hàng tháng trên tài khoản của bên vay (bao gồm tài khoản tiền gửi thanh toán không kỳ hạn và tiền gửi thanh toán có kỳ hạn nhưng không bao gồm số tiền cho vay giải ngân vào tài khoản của bên vay): 1.721.000.000 đồng.

Phụ lục hợp đồng số 02-74/PLHĐ.HĐTD.VBHP.09 ngày 01/10/2009 về việc hỗ trợ lãi suất: mức lãi suất hỗ trợ là 4%/năm, tính trên số dư nợ vay và thời hạn cho vay thực tế nằm trong khoảng thời gian từ 01/04/2009 đến ngày 31/12/2011.

Created with

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5. 18 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư ngày 01/01/2008	17.400.000.000	804.502.460	3.818.617.710	587.575.598	12.874.001.700	35.484.697.468
Tăng trong năm	17.400.000.000	5.220.000.000	3.189.701.445	748.100.085	11.968.846.697	38.526.648.227
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	11.968.846.697	11.968.846.697
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.189.701.445	748.100.085	-	3.937.801.530
Tăng vốn	17.400.000.000	5.220.000.000	-	-	-	22.620.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.847.213.198	8.847.213.198
Phân phối lợi nhuận vào quỹ	-	-	-	-	8.847.213.198	8.847.213.198
Số dư ngày 31/12/2008	34.800.000.000	6.024.502.460	7.008.319.155	1.335.675.683	15.995.635.199	65.164.132.497
Số dư ngày 01/01/2009	34.800.000.000	6.024.502.460	7.008.319.155	1.335.675.683	15.995.635.199	65.164.132.497
Tăng trong kỳ	-	-	3.534.874.470	603.638.703	12.312.911.128	16.451.424.301
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	12.312.911.128	12.312.911.128
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.534.874.470	603.638.703	-	4.138.513.173
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	15.663.247.608	15.663.247.608
Phân phối lợi nhuận vào quỹ	-	-	-	-	5.949.429.284	5.949.429.284
Chi thưởng	-	-	-	-	207.344.785	207.344.785
Chia cổ tức	-	-	-	-	9.396.000.000	9.396.000.000
- Tạm ứng đợt 1 năm 2009	-	-	-	-	3.480.000.000	3.480.000.000
- Chia cổ tức 2008	-	-	-	-	5.916.000.000	5.916.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	110.473.539	110.473.539
Số dư ngày 30/06/2009	34.800.000.000	6.024.502.460	10.543.193.625	1.939.314.386	12.645.298.719	65.952.309.190

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vốn của Nhà nước	17.748.000.000	17.748.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	17.052.000.000	17.052.000.000
Tổng	34.800.000.000	34.800.000.000

c. Giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia cổ tức phân phối lợi nhuận

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	34.800.000.000	17.400.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	17.400.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	34.800.000.000	34.800.000.000
Cổ tức đã chia	3.377.465.000	1.740.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã tạm ứng	1.698.210.000	2.508.808.590

Năm 2009, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2008 theo Nghị quyết số 85/NQ-ĐHCD ngày 31/3/2009 của Đại hội cổ đông thường niên lần thứ 8 trong đó, tỷ lệ chi trả cổ tức là 17% vốn điều lệ/năm. Cổ tức được chi trả cho cổ đông theo danh sách chốt ngày 05/12/2008 do Trung tâm lưu lý chứng khoán cung cấp. Công ty tạm chia cổ tức đợt I năm 2009 theo Quyết định Hội đồng quản trị số 404/QĐ-HĐQT ngày 31/10/2009 với tỷ lệ 10%/01 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng.

d. Cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
	(cổ phiếu)	(cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.480.000	3.480.000
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông	3.480.000	3.480.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

5.19 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	138.043.881.122	98.312.432.479
Doanh thu dịch vụ vận tải	76.505.929.637	72.672.302.401
Doanh thu sửa chữa, cải tạo, đóng mới tàu	27.641.623.517	23.593.181.379
Doanh thu kinh doanh bất động sản	863.636.364	3.362.391.093
Doanh thu bán vật tư	-	768.376.416
Doanh thu dịch vụ khác	280.207.510	306.260.069
Tổng	243.335.278.150	199.014.943.837


nitroPDF professional

 download the free trial online at nitropdf.com/professional

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5. 20 Giá vốn hàng bán

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	131.584.862.836	95.089.673.979
Giá vốn dịch vụ vận tải	61.526.081.929	52.582.568.637
Giá vốn sửa chữa, cải tạo, đóng mới tàu	24.125.351.418	21.130.631.652
Giá vốn kinh doanh bất động sản	828.023.094	2.496.723.288
Giá vốn bán vật tư	-	1.272.576.970
Giá vốn dịch vụ khác	239.810.041	93.487.263
Tổng	218.304.129.318	172.665.661.789

5. 21 Doanh thu tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	58.876.336	188.699.568
Lãi đầu tư cổ phiếu	2.396.202	4.320.772
Cổ tức, lợi nhuận được chia	87.472.000	155.000.000
Chênh lệch giữa hoàn nhập dự phòng và lỗ do thanh lý khoản đầu tư	332.955.996	45.258.927
Tổng	481.700.534	393.279.267

5. 22 Chi phí tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay	797.419.791	826.288.556
Chi phí tài chính khác	(142.778.791)	3.646.085.546
<i>Phí môi giới bán cổ phiếu đầu tư</i>	<i>1.765.800</i>	-
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>(146.096.000)</i>	-
<i>Chi phí tài chính khác</i>	<i>1.551.409</i>	-
Tổng	654.641.000	4.472.374.102

5. 23 Lợi nhuận khác

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Thu nhập khác	1.348.602.397	115.642.143
Thu thanh lý tài sản	1.338.602.397	33.487.011
Thu nhập khác	10.000.000	82.155.132
Chi phí khác	271.770.741	106.381.517
Chi phí thanh lý tài sản	208.549.832	97.846.321
Chi phí khác	63.220.909	8.535.196
Lợi nhuận khác	1.076.831.656	9.260.626

Created with

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

5. 24 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	854.255.231	1.215.037.346
Tổng	854.255.231	1.215.037.346

5. 25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.312.911.128	11.968.846.697
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.312.911.128	11.968.846.697
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.480.000	3.480.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.538	3.439

5. 26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.939.127.746	57.164.009.562
Chi phí nhân công	32.126.114.658	19.576.855.020
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.888.582.579	3.213.162.822
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.052.297.641	5.617.829.905
Chi phí khác bằng tiền	12.193.432.167	7.416.325.198
Tổng	118.199.554.791	92.988.182.507

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN/HN

6. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Các giao dịch với nhân sự chủ chốt**

	Năm 2009
	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	313.200.000
Lương, thưởng Ban Giám đốc	644.951.470

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Các giao dịch bán		
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	63.231.580.094	62.371.884.033
Tổng	63.231.580.094	78.723.893.792

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	94.413.977	2.322.565.857
Tổng	94.413.977	2.605.712.163
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	1.805.600.000	30.800.000
Tổng	1.805.600.000	30.800.000

Công ty con

Tên công ty con	Ngành nghề	Tỷ lệ phần số hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	31/12/2009	01/01/2009
				VND	VND
Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	Sửa chữa, đóng mới tàu	100%	100%	5.000.000.000	5.000.000.000

7. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Địa điểm lô đất	Diện tích	Đơn giá (đồng/m2)	Tiền thuê đất
Số 16 Ngô Quyền, Hải Phòng	17.500,00	4.000	70.000.000
Số 16 Ngô Quyền, Hải Phòng	4.017,00	100	402.000
Số 16 Ngô Quyền, Hải Phòng	7.932,39	4.000	31.730.000
Tổng	29.449,39	8.100	102.132.000

8. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Nguyễn Văn Hùng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2010

Phạm Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng